

VỀ VIỆC PHÂN LOẠI HÀNH ĐỘNG CẦU KHIẾN TIẾNG VIỆT

PGS.TS ĐÀO THANH LAN

Bài viết này muốn đề cập đến phương pháp và tiêu chí phân loại hành động ngôn từ (hành động nói) cầu khiến tiếng Việt, thông qua đó, diễn giải một số vấn đề mà trong các bài báo trước chúng tôi chưa nói rõ.

1. Về khái niệm cầu khiến

Một số sách, giáo trình ngôn ngữ học, ngữ dụng học bằng tiếng Việt khi đề cập đến lý thuyết hành động ngôn từ thường giới thiệu cách phân loại hành động ngôn ngữ của Searle [6]. Searle xác lập 12 tiêu chí có thể dùng để phân loại là:

1) Đích ngôn ngữ (tương ứng với điều kiện căn bản) là mục đích của hành động nói.

2) Hướng khớp ghép lời với thực tại

3) Trạng thái tâm lý được thể hiện (tương ứng với điều kiện chân thành), thí dụ *hứa hẹn* thể hiện ý định của người nói thực hiện cái gì đó.

4) Lực ngôn ngữ: là hiệu lực ở lời có tính mạnh yếu khác nhau khi có cùng đích ngôn ngữ. Thí dụ: *ra lệnh* có hiệu lực ở lời mạnh, có tính sai khiến vì nó mang tính cưỡng bức người nghe thực hiện hành động, *nhờ* có hiệu lực ở lời là trông đợi vào thiện ý của người nghe có muốn thực hiện

hành động mà người nói muốn hay không nên có tính cầu.

5) Tính quan yếu của mối quan hệ liên cá nhân giữa người nói và người nghe (còn gọi: cương vị xã hội) tức là vị thế giao tiếp giữa người nói và người nghe.

6) Định hướng của hành động ngôn ngữ, thí dụ *hứa* hướng tới người nói còn *ra lệnh* hướng tới người nghe.

7) Chức năng liên kết ngôn ngữ

8) Nội dung mệnh đề, thí dụ: người nói thực hiện hành động nào đó là đặc trưng về nội dung mệnh đề của hành động *hứa* còn người nghe thực hiện hành động nào đó lại là đặc trưng về nội dung mệnh đề của hành động *yêu cầu*.

9) Sự cần/ không cần động từ ngôn ngữ

10) Thể chế xã hội và hành động ngôn ngữ. Có hành động phải có thể chế xã hội mới có hiệu lực như *đặt tên*, có hành động không cần đến thể chế xã hội như *nhờ*.

11) Hành động ngôn ngữ và biểu thức ngôn ngữ

12) Cách thức thực hiện hành động ngôn ngữ

Trong đó, Searle thường dùng 3 tiêu chí cơ bản: đích ngôn trung, hướng khớp ghép giữa lời và thực tại, trạng thái tâm lí được thể hiện để phân thành 5 nhóm:

1) Hành động tuyên bố (declarations)

Là những hành động nói có đích ngôn trung làm thay đổi thực tại thông qua việc nói ra các từ như hành động *từ bỏ, đặt tên, sa thải, khai mạc...* Đặc trưng của hành động tuyên bố là từ ngữ làm thay đổi thực tại, người nói gây ra tình huống.

2) Hành động biểu hiện/ biểu kiến (representatives)

Là những hành động nói có đích ngôn trung trình bày những sự tình mà người nói tin tưởng với các mức độ khác nhau như *trần thuật, xác nhận, phủ nhận...* Đặc trưng của hành động biểu hiện là: làm từ ngữ khớp với thực tại, người nói tin tình huống.

3) Hành động biểu cảm/ bộc lộ (expressives)

Là những hành động nói có đích ngôn trung thể hiện trạng thái tâm lí của người nói đối với sự tình trong nội dung mệnh đề như: *phản nản, cảm ơn, hoan nghênh...* Đặc trưng của hành động này là làm từ ngữ khớp với thực tại, người nói cảm nhận tình huống.

4) Hành động điều khiển (directives)

Là những hành động nói có đích ngôn trung làm cho người nghe làm cái gì đó như *hỏi, ra lệnh, thỉnh cầu...* Đặc trưng của hành động này là làm thực tại khớp với từ ngữ, người nói muốn tình huống.

5) Hành động ước kết (commissives)

Là những hành động nói có đích ngôn trung cam kết một hành động tương lai nào đó như *đảm bảo, hứa hẹn, thề...* Đặc trưng của hành động này là: làm thực tại khớp với từ ngữ, người nói định tình huống.

5 kiểu hành động nói được tổng hợp lại thành bảng sau:

Kiểu hành động nói	Hướng khớp ghép giữa từ với thực tại	S: người nói X: tình huống
Tuyên bố	Từ ngữ làm thay đổi thực tại	S gây ra X
Biểu hiện	Làm từ ngữ khớp với thực tại	S tin X
Biểu cảm	Làm từ ngữ khớp với thực tại	S cảm thấy X
Điều khiển	Làm thực tại khớp với từ ngữ	S muốn X
Ước kết	Làm thực tại khớp với từ ngữ	S chủ định X

(Theo [4, 109])

Về tiêu chí 2 - hướng khớp ghép giữa từ và thực tại trong bảng trên chưa được định hướng cụ thể. Hướng khớp ghép có thể được xây dựng theo hai chiều: từ ngôn ngữ tới thực tại

(lời nói có trước, thực tại có sau, kí hiệu trước sau dùng mũi tên có chiều từ trái sang phải (->)). Nó phản ánh các loại hành động mà ngôn từ xảy ra trước rồi thực tại xảy ra sau, đúng

như ngôn từ, thí dụ lời tuyên bố có hướng khớp ghép: lời nói -> thực tại (lời nói làm thay đổi thực tại), lời điều khiển, lời ước kết cũng có hướng khớp ghép: lời nói -> thực tại. Điểm khác nhau của các kiểu lời này là người thực hiện, ở lời tuyên bố và lời ước kết thì người nói đồng thời là người thực hiện còn ở lời điều khiển thì người nói yêu cầu người nghe thực hiện. Lời tuyên bố lại khác với lời ước kết ở thời gian thực hiện: lời tuyên bố được thực hiện ngay khi nói ra còn lời ước kết được thực hiện sau

khi nói. Chiều thứ hai là từ thực tại tới ngôn ngữ (thực tại có trước, lời nói có sau). Nó phản ánh các loại hành động mà thực tại xảy ra trước rồi ngôn từ xảy ra sau để phản ánh thực tại. Cả lời biểu hiện và lời biểu cảm đều có hướng khớp ghép: thực tại -> lời nói. Chúng khác nhau ở tiêu chí 3: trạng thái tâm lí được thể hiện ở lời biểu hiện là mức độ tin tưởng còn ở lời biểu cảm là mức độ cảm nhận. Từ đó, có thể miêu tả khái quát 5 kiểu hành động nói theo bảng sau:

Kiểu hành động nói (đích ngôn trung)	Hướng khớp ghép giữa lời với thực tại	S: người nói X: tình huống
Tuyên bố	Lời -> thực tại	S gây ra X
Biểu hiện	Thực tại -> lời	S tin X
Biểu cảm	Thực tại -> lời	S cảm nhận X
Điều khiển	Lời -> thực tại	S muốn X
Ước kết	Lời -> thực tại	S chủ định X

Cùng với 3 tiêu chí cơ bản, chúng ta có thể vận dụng thêm các tiêu chí khác trong số 12 tiêu chí của Searle để tiếp tục phân loại 5 kiểu hành động ngôn từ nói trên thành các tiểu loại. Chẳng hạn, kiểu 4 - hành động điều khiển có thể phân thành 2 tiểu loại: hành động hỏi và hành động cầu khiến. Chúng khác nhau ở chỗ: về ý nghĩa, hành động hỏi là hỏi về điều gì đó mà người nói chưa rõ nhằm yêu cầu người nghe thực hiện một hành động ngôn từ là trả lời - làm rõ thông tin của điều mà người nói hỏi. Còn hành động cầu khiến thì yêu cầu người nghe thực hiện hành động mà người nói

bày tỏ, hành động đó trước hết là hành động vật lí (ăn, học, ngủ...) có thể kèm thêm hành động ngôn từ (lời đáp kèm: *vâng...*) hoặc bằng hành động ngôn từ khi từ chối yêu cầu của người nói. Hành động tích cực/ dương tính thoả mãn lời cầu khiến là hành động vật lí. Còn hành động từ chối lời cầu khiến là hành động tiêu cực/ âm tính mà khi nói lời cầu khiến, chủ ngôn không mong đợi. Về dấu hiệu ngôn hành của lời thì lời hỏi hoặc dùng lời chứa vị từ ngôn hành *hỏi*, hoặc dùng các biểu thức hỏi chứa đại từ hỏi (*ai, gì, nào, thế nào, sao, ra sao...*) hoặc dùng biểu thức hỏi

chứa kết cấu: ...*có...không?*, ...*đã...chưa?* Còn lời cầu khiến thì sử dụng biểu thức chứa vị từ ngôn hành:

$$K1 = D1 + V_{nh} + D2 + V(p)$$

Thí dụ: *Tôi nhờ cô chuyển bức thư này đến anh Nam.*

Hoặc biểu thức chứa vị từ tình thái cầu khiến (*hãy, đừng, chớ*) và/ hoặc tiểu từ tình thái cầu khiến (*đi, với, xem, đã, thôi, nào, nhé*):

$$K2 = D2 + V_{tck} + V(p) + T_{ck}$$

Thí dụ: *Thầy đừng làm khổ tôi; U nó bỏ cái giọng ấy đi.*

Với đặc trưng là trong biểu thức K1 (kiểu 1) có D1- từ trò chủ ngôn/ người nói, V_{nh} - vị từ ngôn hành và D2 - từ trò tiếp ngôn/ người nghe, trong biểu thức K2 (kiểu 2) có D2, V_{tck} - vị từ tình thái cầu khiến, và/ hoặc T_{ck} - tiểu từ tình thái cầu khiến, mặc dù D1, D2 có thể không hiện ngôn ở lời do ngữ cảnh cho phép. (Quy ước ghi tắt của V(p) = vị từ có thể có phụ tố).

Như vậy chúng tôi dùng khái niệm cầu khiến để trở tiêu loại hành động ngôn từ có đích ngôn trung cầu khiến người nghe thực hiện hành động mà người nói bày tỏ. Nội hàm của ý nghĩa cầu khiến bao gồm ý nghĩa cầu (cầu, xin, nhờ, mời, rủ, nài, chúc, van, lạy), ý nghĩa khiến (ra lệnh, thúc giục, cảm đoán, ngăn cản, cho phép, yêu cầu) hoặc vừa cầu vừa khiến (khuyến bảo, đề nghị, dặn dò). Hành động cầu khiến chỉ là một tiêu loại trong kiểu hành động điều khiển, đối lập với hành động hỏi. Sở dĩ chúng tôi phải nói rõ điều này vì sách [3, 385] lại dùng khái niệm *cầu khiến* để dịch thuật ngữ tiếng Anh *directives*. Như

thế thì trong hành động cầu khiến có hành động hỏi. Theo chúng tôi, kiểu 4 nên gọi là hành động điều khiển như [1], [4] hoặc hành động chi phối [2], [5] thì thích hợp hơn.

2. Sự phân loại hành động cầu khiến tiếng Việt

Có thể căn cứ vào ý nghĩa hoặc hình thức biểu hiện để phân loại hành động cầu khiến tiếng Việt.

2.1. Phân loại dựa vào ý nghĩa (theo lực ngôn trung)

Căn cứ vào mặt nội dung ý nghĩa của hành động cầu khiến tức là căn cứ vào lực ngôn trung của nó. Ý nghĩa cầu khiến bao gồm ý nghĩa khiến và cầu. Lực khiến được nhận diện bằng tính mệnh lệnh, tính áp đặt, tính cưỡng bức hành động của chủ ngôn tới tiếp ngôn. Lời khiến là những mệnh lệnh cưỡng bức, bắt buộc tiếp ngôn thực hiện hành động nên tính lịch sự rất thấp. Sự thể hiện của hành động khiến là thiên về lí trí. Lực cầu được nhận diện bằng mức độ đề cao vai trò của tiếp ngôn, đề cao tính tự nguyện hành động của tiếp ngôn. Sự thể hiện của hành động cầu là thiên về tình cảm. Lời cầu có tính lịch sự cao hơn lời khiến. Tính khiến đối lập với tính cầu ở tính chất cưỡng bức tiếp ngôn thực hiện yêu cầu của chủ ngôn. Vị thế giao tiếp là một tiêu chí giúp nhận diện tính khiến, tính cầu. Ở hành động khiến, chủ ngôn thường có vị thế giao tiếp cao hơn tiếp ngôn, ở hành động cầu, chủ ngôn thường có vị thế giao tiếp thấp hơn tiếp ngôn. Khi lực khiến giảm dần thì lực cầu tăng dần. Cho nên có những hành động chỉ có tính khiến, những hành động chỉ có tính cầu và những hành động vừa khiến

vừa cầu. Tên gọi của từng hành động cầu khiến cụ thể phản ánh nội hàm nghĩa thường tương ứng với vị từ ngôn hành cầu khiến tương minh (trừ một vài hành động không có vị từ ngôn

hành cầu khiến tương minh như: *ngăn, giục, dặn, rủ, nài*). Dưới đây là kết quả phân loại căn cứ vào lực ngôn trung xếp theo mức độ tính khiến giảm dần, tính cầu tăng dần:

TT	Hành động cầu khiến	Mức độ cầu khiến	Nội dung lệnh	Hình thức biểu đạt điển hình
1	Ra lệnh	Khiến cao nhất	Làm	Vnh = <i>ra lệnh; hãy, đi</i>
2	Cấm	Khiến cao nhất	Không làm	Vnh = <i>cấm; không được</i>
3	Ngăn	Khiến cao	Không làm	<i>Chớ, đừng</i>
4	Giục	Khiến cao	Làm nhanh hơn	<i>Hãy, đi; ngữ điệu mạnh</i>
5	Cho/cho phép	Khiến cao	Làm	Vnh = <i>cho/cho phép, hãy, đi</i>
6	Yêu cầu	Khiến cao	Làm	Vnh = <i>yêu cầu; hãy, đi</i>
7	Đề nghị	Khiến trung bình, cầu thấp	Làm	Vnh = <i>đề nghị; hãy, nào/nhé</i>
8	Dặn	Khiến thấp, cầu thấp	Làm	<i>nhé</i>
9	Khuyên	Khiến thấp	Làm/ không làm	Vnh = <i>khuyên, nên/ Vnh + không nên</i>
10	Rủ	Cầu thấp	Làm	<i>nhé, có... không</i>
11	Mời	Cầu trung bình	Làm	Vnh = <i>mời, nhé, có... không</i>
12	Nhờ	Cầu cao	Làm	Vnh = <i>nhờ, với</i>
13	Chúc	Cầu cao	Làm	Vnh = <i>chúc, nhé</i>
14	Xin, xin phép	Cầu cao	Làm	Vnh = <i>xin/xin phép, nhé</i>
15	Cầu	Cầu rất cao	Làm	Vnh = <i>cầu; với</i>
16	Nài	Cầu rất cao	Làm	Vnh = <i>xin, van, lạy, với</i>
17	Van	Cầu rất cao	Làm	Vnh = <i>van; với</i>
18	Lạy	Cầu cao nhất	Làm	Vnh = <i>lạy; với</i>

(Ghi chú 1: bảng phân loại này bổ sung thêm 2 hành động: *ngăn, giục* so với bảng phân loại trong bài báo *Nhận diện hành động mời và rủ trong tiếng Việt* (T/c Ngôn ngữ, Số 11, 2010 và trong sách [5]).

(Ghi chú 2: Vnh = vị từ ngôn hành; *hãy, đi, nhé, với...* = từ có vai trò làm phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung cầu khiến)

2.2. Phân loại dựa vào hình thức biểu hiện

Hướng phân loại hành động ngôn trung theo hình thức biểu hiện thường dựa trên cơ sở mô hình cấu trúc đặc

trung của nó mà dụng học gọi là biểu thức ngôn hành. Tiếng Việt có những kiểu lời cơ bản tương ứng với từng hành động nói khái quát như: lời trần thuật tương ứng với hành động biểu hiện, lời cảm thán tương ứng với hành

động biểu cảm, lời hỏi/ nghi vấn tương ứng với hành động hỏi, lời cầu khiến tương ứng với hành động cầu khiến. Bên cạnh đó, xét từ góc độ dụng học thì biểu thức ngôn hành chứa vị từ ngôn hành là dấu hiệu hình thức đầu tiên, để nhận diện hành động ngôn trung nhất. Mô hình khái quát của nó là:

$$K1 = D1 + V_{nh} + D2 + (p)$$

Ghi chú: K1 = kiểu 1; D1 = danh/ đại từ ngôi 1; V_{nh} = vị từ ngôn hành; D2 = danh/ đại từ ngôi 2; (p) = phần phụ có thể có hoặc không, trong lời cụ thể thì phần phụ có thể là từ, ngữ, cú.

Ta có thể dựa vào biểu thức K1 và những biểu thức cấu trúc đặc trưng cho từng kiểu lời để nhận diện và phân loại hành động ngôn trung. Đó là sự phân loại theo phương tiện biểu hiện, dụng học gọi là phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung. Những hành động ngôn trung có mối liên hệ trực tiếp với cấu trúc đặc trưng của nó là hành động trực tiếp. Những hành động không có mối liên hệ trực tiếp với cấu trúc đặc trưng của nó, tức là mượn cấu trúc của hành động A để diễn đạt thành lời nhưng nhằm tới đích ngôn trung của hành động B thì B là hành động gián tiếp. Đây là sự phân loại theo phương thức (cách thức) biểu hiện, dụng học gọi là phương thức thể hiện lực ngôn trung. Chẳng hạn ta có hành động cầu khiến trực tiếp và hành động cầu khiến gián tiếp. Các phương thức thể hiện lực ngôn trung dù trực tiếp hay gián tiếp đều ở trong một đơn vị ngôn từ tối thiểu có chức năng thông báo là lời. Lời sẽ được gọi tên và phân loại theo các kiểu hành động ngôn trung nên có

sự tương ứng giữa hình thức biểu hiện (thí dụ: lời cầu khiến) với nội dung biểu hiện (thí dụ: hành động cầu khiến). Vì thế hướng phân loại hành động ngôn trung dựa vào hình thức biểu hiện đồng nhất với việc phân loại các kiểu lời theo phương thức và phương tiện biểu hiện lực ngôn trung.

Căn cứ vào phương thức thể hiện trực tiếp hay gián tiếp ta có: lời chính danh (lời ngôn hành) như: cầu khiến chính danh, hỏi chính danh... và lời gián tiếp. Đối với lời gián tiếp có thể dùng tên kép để gọi như: hỏi - cầu khiến (hình thức là hỏi nhưng có đích ngôn trung cầu khiến), trần thuật - cầu khiến, cảm thán - cầu khiến. Cách gọi tên này tốt hơn cách gọi cầu khiến gián tiếp vì nó chỉ ra được hình thức biểu hiện của lời.

Với cách nhìn của dụng học, trong ngôn ngữ có loại vị từ ngôn hành đối lập với vị từ phi ngôn hành (vị từ miêu tả). Vị từ ngôn hành là vị từ nói năng trực tiếp biểu hiện hành động ngôn trung. Chẳng hạn khi ta nói: "mời anh uống nước" là ta đã thực hiện hành động mời, cho nên *mời* là vị từ ngôn hành. Và lời chứa vị từ *mời* là lời ngôn hành. Vì quan hệ giữa vị từ *mời* và hành động *mời* là quan hệ một đối một, nên *lời ngôn hành chứa vị từ ngôn hành là lời ngôn hành tường minh (explicit)*. Ngoài vị từ ngôn hành, ngôn ngữ còn sử dụng những phương tiện hình thức chuyên dụng làm dấu hiệu đặc trưng để biểu hiện hành động ngôn trung tương ứng với chúng chẳng hạn như các từ: *hãy, đừng, chớ* đứng trước động từ vị ngữ; hoặc các tiểu từ tình thái: *đi, với, xem, đã, thôi, nào, nhé* đứng cuối lời là dấu hiệu hình thức

chuyên dụng để biểu hiện lời cầu khiến tiếng Việt. Phương tiện hình thức chuyên dụng này cũng là phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung trực tiếp vì dấu hiệu hình thức tương ứng trực tiếp với nội dung được biểu hiện. Do đó, lời được tạo thành với *hãy, đừng, chớ* cũng là lời ngôn hành; tuy nhiên, quan hệ giữa phương tiện biểu hiện và hành động ngôn trung trong trường hợp dùng *hãy, đừng/ chớ* không phải là quan hệ một đối một: từ *hãy* có thể ứng với hành động ra lệnh hoặc hành động yêu cầu... Việc xác định *hãy* ở lời cụ thể sẽ tương ứng với hành động tường minh nào phụ thuộc vào bối cảnh giao tiếp cụ thể và ngữ điệu của người nói, cho nên lời cầu khiến chứa *hãy* được gọi là *lời ngôn hành nguyên cấp (primary) hoặc hàm ẩn (implicit)*. Sự khác nhau giữa lời ngôn hành tường minh và nguyên cấp là ở chỗ: lời tường minh thì gọi tên hành động ngôn trung một cách cụ thể, rõ ràng, xác định còn lời ngôn hành nguyên cấp thì chỉ nêu ra hành động ngôn trung khái quát, không chỉ ra hành động ngôn trung cụ thể và nó có thể tương ứng với một số hành động ngôn trung cụ thể (phương tiện nguyên cấp có tính hàm ẩn ở nghĩa biểu hiện). Trong trường hợp này, chúng tôi chọn thuật ngữ nguyên cấp. Do đó lời cầu khiến chính danh cũng gồm hai tiểu loại: *lời cầu khiến tường minh* (chứa vị từ ngôn hành với biểu thức ngôn hành K1 và *lời cầu khiến nguyên cấp* (chứa phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung trực tiếp là nhóm vị từ tình thái cầu khiến, nhóm tiểu từ tình thái cầu khiến hoặc ngữ điệu cầu khiến - ngữ điệu mạnh, đối lập vị từ ngôn hành với biểu thức ngôn hành K2).

Ngữ dụng học đại cương mới nêu ra hai khái niệm: *phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung tường minh* và *phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung nguyên cấp* [1], nhưng qua khảo sát thực tế lời cầu khiến tiếng Việt, chúng tôi thấy, hành động cầu khiến còn có những phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung khác khá phong phú, nằm giữa hai loại trên. Cụ thể, lời cầu khiến tiếng Việt có biểu thức ngôn hành K1' chứa động từ: *mong/ muốn/ cần* ở vị trí Vnh, có đích ngôn trung cầu khiến và có lực ngôn trung tương ứng với tên của từng động từ, thí dụ: *Chúng con muốn mẹ lên đây ở với chúng con; Tôi cần cô đi coi thi đợt hai*. So sánh với biểu thức cầu khiến tường minh K1 thì K1' chỉ khác ở chỗ, các động từ *mong, muốn, cần* vốn không phải là các động từ chỉ hành động nói năng như vị từ ngôn hành, khi đi vào cấu trúc K1' thì chúng được ngôn hành hoá như các vị từ ngôn hành cầu khiến khác. Vì thế, chúng tôi gọi K1' là biểu thức ngôn hành cầu khiến bán tường minh (bán = nửa) chứa phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung bán tường minh. Đồng thời, biểu thức ngôn hành cầu khiến nguyên cấp K2 cũng có biến thể là K2' với phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung là những động từ được ngữ pháp hoá như nhóm động từ tình thái: *nên/ cần/ phải*, động từ: *đề, giúp, hộ, cho...* Thí dụ: *Ta nên lấy danh dự mà thể với nhau; Các ông giúp tôi khiêng cái phàn này ra sân*. ý nghĩa từ vựng của các động từ này góp phần cụ thể hoá ý nghĩa của những hành động cầu khiến, giúp cho nó không phụ thuộc vào ngữ cảnh như phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung nguyên cấp. Chúng tôi gọi K2'

là biểu thức ngôn hành cầu khiến bán nguyên cấp chứa phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung bán nguyên cấp. Bốn kiểu phương tiện biểu hiện hành động ngôn trung được xếp theo trình tự sau:

1) Phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung cầu khiến tường minh

2) Phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung cầu khiến bán tường minh

3) Phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung cầu khiến bán nguyên cấp

4) Phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung cầu khiến nguyên cấp.

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi lập bảng phân loại lời cầu khiến đồng thời là sự phân loại hành động cầu khiến tiếng Việt theo hình thức biểu hiện:

Tên gọi theo phương thức thể hiện	Tên gọi theo phương tiện biểu hiện	Biểu thức ngôn hành của hành động/ lời cầu khiến tiếng Việt
Hành động cầu khiến trực tiếp (lời cầu khiến chính danh)	1. Hành động/ lời cầu khiến tường minh	$K1 = D1 + V_{nhck} + D2 + V(p)$
	2. Hành động/ lời cầu khiến bán tường minh	$K1' = D1 + \text{cần/muốn/mong} + D2 + V(p)$
	3. Hành động/lời cầu khiến bán nguyên cấp	$K2' = D2/Dg + V_{ck} + V(p)$ ($V_{ck} = \text{nên/cần/phải, để/giúp/hộ/cho}$); $K2' = D2 + V + \text{giúp/hộ/cho} + D1$; $K2' = D2 + V1 + D + \text{mà} + V2$
	4. Hành động/ lời cầu khiến nguyên cấp	$K2 = D2 + V_{tck} + V(p) + T_{ck}$ (trong đó chỉ cần có V_{tck} hoặc T_{ck} là được); $K2 = D2 + V(p) + \text{ngữ điệu mạnh}$
Hành động/ lời cầu khiến gián tiếp	1. Hỏi - cầu khiến	Biểu thức hỏi: $K1 = D1 + \text{hỏi} + D2 + P$; Cú chứa từ hỏi; <i>có... không, đã... chưa?</i>
	2. Trần thuật - cầu khiến	Biểu thức trần thuật: $D3 + V(p)$; $D3 + \text{là} + D3$; $D3 + \text{nhu} + D3$
	3. Cảm thán - cầu khiến	Biểu thức lời cảm thán: Biểu thức trần thuật + từ cảm thán

Ghi chú: V_{nhck} = Vị từ ngôn hành cầu khiến; Dg = Danh từ/ đại từ ngôi gộp

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Hữu Châu, Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2, Ngữ dụng học, Nxb GD, H., 2001.
- Nguyễn Đức Dân, Ngữ dụng học, Tập 1, Nxb GD, H., 1998.
- Nguyễn Thiện Giáp, Giáo trình ngôn ngữ học, Nxb ĐHQG, H., 2008.
- G. Yule., Dụng học- một số dẫn luận nghiên cứu ngôn ngữ, 1997, Bản dịch của Nxb ĐHQG, H., 2003.
- Đào Thanh Lan, Ngữ pháp - ngữ nghĩa của lời cầu khiến tiếng Việt, Nxb KHXH, H., 2010.
- Searle J.R., Speech act, Cambridge University Press, 1969.